

Tác động lan tỏa năng suất từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước ở thành phố Hồ Chí Minh

PHẠM ĐÌNH LONG
HUỲNH QUỐC VŨ
PHẠM THỊ BÍCH NGỌC

Bài viết này xem xét tác động lan tỏa năng suất của doanh nghiệp FDI lên năng suất của doanh nghiệp trong nước tại thành phố Hồ Chí Minh theo liên kết ngang, liên kết xuôi và liên kết ngược với dữ liệu khảo sát doanh nghiệp Việt Nam 2011 - 2015, bảng đầu vào đầu ra IO 2012 với các kỹ thuật ước lượng dữ liệu bảng. Kết quả cho thấy: (i) FDI tạo ra tác động lan tỏa tích cực mạnh mẽ lên năng suất của doanh nghiệp trong nước thông qua liên kết ngược và xuôi, tác động tiêu cực với liên kết ngang; (ii) doanh nghiệp trong nước với nguồn lực con người cao, phát triển tài chính, có khoảng cách công nghệ thấp có được nhiều lợi ích và năng suất cao từ lan tỏa FDI.

Từ khóa: lan tỏa năng suất, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp trong nước, TP. Hồ Chí Minh.

1. Đặt vấn đề

Thành phố (TP.) Hồ Chí Minh là đầu tàu lớn về kinh tế cả nước, việc thu hút các nhà đầu tư không chỉ mang lại yếu tố thuận lợi cho địa phương mà còn tác động mạnh mẽ yếu tố vùng. Thành phố là nơi thu hút vốn đầu tư nước ngoài mạnh nhất cả nước (kể từ khi Luật Đầu tư được ban hành), số dự án đầu tư vào Thành phố chiếm khoảng 1/3 tổng số dự án trên cả nước, luôn có tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân cao hơn cả nước và đóng góp trên 20% GDP. Câu hỏi đặt ra yếu tố nào đóng góp vào tăng năng suất cho TP. Hồ Chí Minh và mức độ đóng góp? Giải pháp nào để khuyến khích sự phát triển đó? Bài viết này nghiên cứu sự lan tỏa năng suất từ khu vực đầu tư nước ngoài đến khu vực trong nước nhằm trả lời hai câu hỏi trên.

2. Tổng quan lý thuyết và các nghiên cứu trước

Lan tỏa năng suất từ khu vực FDI sang khu vực doanh nghiệp trong nước được xác định thông qua các kênh tác động chính: lan tỏa theo chiều ngang và lan tỏa theo chiều

Lan tỏa theo chiều ngang trong cùng ngành công nghiệp. Các doanh nghiệp FDI mang đến công nghệ cho các doanh nghiệp địa phương thông qua cơ chế: học hỏi và bắt chước công nghệ, kỹ năng quản lý công nghiệp; di chuyển lao động giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước trong cùng một ngành; tạo sức ép cạnh tranh, buộc các doanh nghiệp trong nước phải nâng cao hiệu quả (Kokko và cộng sự, 1996; Wang và Blomstrom, 1992).

Lan tỏa theo chiều dọc thông qua cả liên kết ngược (từ người mua đến nhà cung cấp) và liên kết xuôi (từ nhà cung cấp đến người mua). Theo Javorcik (2004), liên kết ngược thông qua: chuyển giao công nghệ trực tiếp đến nhà cung cấp địa phương nhờ đào tạo hoặc sự giúp đỡ công nghệ để tăng chất lượng sản phẩm cung cấp, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho việc cải thiện chất lượng hàng hóa, xúc tiến những đổi mới, hỗ trợ cơ sở hạ tầng sản

Phạm Đình Long, TS.; Huỳnh Quốc Vũ, Th.S., Trường đại học Mở TP. Hồ Chí Minh; Phạm Thị Bích Ngọc, TS., Trường đại học Hoa Sen TP. Hồ Chí Minh.

xuất và cách tổ chức và quản lý. Các doanh nghiệp FDI mang đến những thúc đẩy tích cực nhà cung cấp địa phương để cải tiến quy trình sản xuất hay công nghệ. Các doanh nghiệp FDI khuyến khích đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm của các nhà cung cấp trong nước. Các doanh nghiệp trong nước buộc phải đạt yêu cầu về chất lượng sản phẩm (ví dụ: Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế ISO với chứng nhận ISO 14000, ISO 26000) và thời gian giao hàng do đó khuyến khích các nhà cung cấp trong nước cải thiện quá trình sản xuất, công nghệ và phương pháp giao hàng.

Liên kết xuôi có thể mang đến sự lan tỏa công nghệ bằng nhiều cách: *thứ nhất*, doanh nghiệp trong nước có được hàng hóa tốt và máy móc từ đó dẫn đến sản phẩm chất lượng tốt hơn với giá thành rẻ hơn từ doanh nghiệp FDI; *thứ hai*, nhờ sự tiếp thị đầu ra của doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp trong nước có thể được đào tạo công nghệ bán hàng; *thứ ba*, doanh nghiệp FDI có cơ sở hạ tầng và dịch vụ buôn bán đã trực tiếp cải thiện năng suất nếu các dịch vụ này được giới thiệu và tận dụng được lợi thế khách hàng.

Một số nghiên cứu trước có liên quan

Bessonova và cộng sự (2003), xem xét các tác động của tự do hóa nhập khẩu và FDI vào doanh nghiệp của Nga sử dụng dữ liệu khảo sát doanh nghiệp từ 1995 - 2001, thấy rằng thương mại tự do hơn và gia tăng sự hiện diện của nước ngoài tác động tích cực lên các doanh nghiệp trong nước, phản ánh sự cải thiện của TFP của doanh nghiệp trong nước. Javorcik (2004) nghiên cứu về tác động lan tỏa của doanh nghiệp FDI ở Lithuania thông qua sử dụng phương pháp bán tham số và khắc phục biến nội sinh trong bộ dữ liệu của doanh nghiệp. Nghiên cứu chỉ ra tác động tăng năng suất của doanh nghiệp FDI tới doanh nghiệp nội địa. Hiện tượng này xảy ra khi các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa hợp tác kinh doanh do FDI có thể mang đến những thay đổi công nghệ,

tăng khả năng cạnh tranh, cải thiện nguồn lực hoặc thay đổi kỹ năng công việc và khả năng quản trị trong các nước này. Theo Kugler (2001), với dữ liệu của Côlômbia, cho thấy sự lan tỏa công nghệ trong liên ngành và không thấy trong nội ngành. Với dữ liệu ở Indônêxia, Blalock và Gertler (2004) cho thấy có sự lan tỏa tích cực của FDI thông qua liên kết ngược. Schoors và Tool (2002) nghiên cứu ở Hungary, kết luận có tác động có ý nghĩa và làm tăng năng suất của liên kết ngược, liên kết xuôi lại làm giảm.

Trong trường hợp của Việt Nam, nghiên cứu của Lê Quốc Hội (2008) với dữ liệu doanh nghiệp 2000 - 2004, cho thấy trong khi các liên kết ngược cho ra các hiệu ứng tích cực trên doanh nghiệp trong nước, còn tác động ngang là tiêu cực. Đồng thời, trong khi các doanh nghiệp nước ngoài tác động tiêu cực đến năng suất của các doanh nghiệp trong nước nếu doanh nghiệp FDI tiêu thụ ở nội địa. Nghiên cứu Nguyễn Phi Lân (2008) về FDI tác động lan tỏa công nghệ trên năng suất doanh nghiệp sản xuất trong nước, thông qua mối liên kết cả hai chiều ngang và dọc. Với dữ liệu từ GSO 2000 - 2005, nghiên cứu tập trung vào doanh nghiệp sản xuất, rút ra những tác động làm tăng từ các liên kết ngang và liên kết ngược của FDI trên năng suất của các doanh nghiệp sản xuất của Việt Nam, trong khi liên kết xuôi tác động làm giảm năng suất.

3. Mô hình nghiên cứu, định nghĩa các biến, dữ liệu

Hàm sản xuất Cobb - Douglas với giả định năng suất không đổi theo quy mô:

$$Y_{ijt} = (K_{ijt})^{\alpha} (L_{ijt})^{1-\alpha} e^{Z_{ijt}} \quad (1)$$

Y_{ijt} , K_{ijt} và L_{ijt} là đầu ra, vốn và lao động của doanh nghiệp trong nước i trong ngành j tại thời điểm t , tương ứng. Z_{ijt} đại diện cho cú sốc ngoại sinh để sản xuất và được giải thích chi tiết dưới đây. Chia cả hai bên phương trình (1) bởi L_{ijt} :

$$\frac{y_{ijt}}{l_{ijt}} = \left(\frac{k_{ijt}}{l_{ijt}} \right)^{\alpha} e^{z_{ijt}} \quad (2)$$

Năng suất lao động của doanh nghiệp trong nước có thể được thể hiện như sau:

$$Y_{jt} = \left(\frac{K_{jt}}{L_{jt}} \cdot CLLD_{jt} \cdot TSDS_{jt} \cdot TT_{jt} \cdot KCKN_{jt} \cdot LK_{jt} \right) \quad (3)$$

Năng suất = $\frac{Y_{jt}}{L_{jt}}$: là năng suất lao động

của các doanh nghiệp trong nước i trong ngành j và được đo bằng tỷ lệ của tổng sản lượng và tổng số người lao động. $Vốn_{LD}$

= $\frac{K_{jt}}{L_{jt}}$: tỷ số của tài sản cố định và tổng số

nhân viên trong doanh nghiệp i , dùng để kiểm soát đối với các tác động của cường độ vốn về năng suất. $CLLD_{jt}$: (chất lượng lao động) đại diện các kỹ năng của người lao động có tác động đến năng suất, tiền lương và chi phí đào tạo cho mỗi nhân viên được sử dụng như là một biến đại diện cho vốn nhân lực của doanh nghiệp. $TSDS_{jt}$: (tỷ số doanh số) tỷ số của bán hàng trong doanh nghiệp i so với tổng doanh thu ngành công nghiệp j . TT_{jt} : mức độ tập trung ngành j được đại diện bởi chỉ số HHI Herfindahl-Hirschman, mức tăng tuyệt đối của HHI biểu hiện của sức ép cạnh tranh trên thị trường.

$$HHI = \sum \left(\frac{x_{ijt}}{X_{jt}} \right)^2$$

x_{ijt} là đầu ra của doanh nghiệp i trong ngành j tại thời điểm t . X_{jt} là tổng đầu ra của ngành j .

Một giá trị cao hơn của chỉ số Herfindahl cho thấy mức độ tập trung ngành, do đó ít cạnh tranh.

$$KCKN_{jt} = \frac{(TB LP_{jt} - LP_{jt})}{LP_{jt}}$$

Phương trình viết lại:

$$\ln(Nangsuat) = \alpha_1 + \alpha_2 LK_{ngangjt} + \alpha_3 LK_{ngucjt} + \alpha_4 LK_{xudjt} + \alpha_5 \ln \left(\frac{V\text{on}_{LD}}{jt} \right) + \alpha_6 \ln(CLLD_{jt}) + \alpha_7 TSDS_{jt} + \alpha_8 \ln(TT_{jt}) + \alpha_9 KCKN_{jt} + \epsilon_{jt}$$

Nghiên cứu dùng khảo sát các doanh nghiệp Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015 của Tổng cục Thống kê, bảng IO 2012.

KCCN: khoảng cách công nghệ; $TB LP_{jt}$: trung bình của năng suất lao động của các doanh nghiệp nước ngoài trong ngành j tại thời điểm t ; LP_{ijt} : năng suất lao động của doanh nghiệp trong nước i trong ngành j tại thời điểm t .

Lan truyền công nghệ từ FDI đều được xem xét theo:

Lan tỏa ngang ($LKN_{ngangjt}$) được đo như sau:

$$LKN_{ngangjt} = \frac{\sum_{k=1}^m FL_{kjt}}{\sum_{k=1}^m (FL_{kjt} + DL_{kjt})}$$

Lan tỏa ngược (LKN_{ngucjt}) có nguồn gốc từ sự hiện diện nước ngoài trong ngành j đang được cung cấp bởi các ngành công nghiệp khác:

$$LKN_{ngucjt} = \sum_{r=1}^p \alpha_{rjt} \cdot \frac{\sum_{k=1}^m FL_{kjt}}{\sum_{k=1}^m (FL_{kjt} + DL_{kjt})} \quad (r = 1, \dots, p)$$

α_{rjt} ($0 \leq \alpha_{rjt} \leq 1$) là tỷ lệ sản lượng đầu ra công nghiệp r xung cấp cho ngành công nghiệp j . Các giá trị của α_{rjt} từ năm 2011 đến năm 2015 là dựa trên bảng đầu vào - đầu ra (IO) bảng năm 2012.

FL_{kit} ($k = 1, \dots, m$) là doanh số của các doanh nghiệp nước ngoài trong ngành công nghiệp k j trong năm t ; DL_{it} ($i = 1, \dots, n$) là doanh số của doanh nghiệp trong nước i trong ngành j trong năm t .

$$LKX_{udjt} = \sum_{m=1}^m \alpha_{mj} \frac{\sum_{i=1}^n Foreignshare_{it} \cdot (Y_{it} - X_{it})}{\sum_{i=1}^n (Y_{it} - X_{it})}$$

α_{mj} là đầu vào được mua bởi nền công nghiệp j từ nền công nghiệp m trong tổng đầu vào ngành j , được lấy từ bảng IO (2012); X_{it} là xuất khẩu của doanh nghiệp i tại thời điểm t .

$Y_{it} - X_{it}$ = Doanh thu nội địa

Tất cả hồi quy trong nghiên cứu này được ước tính bằng cách sử dụng các kỹ thuật ước lượng số liệu bảng và được giới hạn cho các doanh nghiệp trong nước trên địa bàn thành phố.

4. Phân tích dữ liệu và kết quả nghiên cứu

Kết quả tác động FDI đến các doanh nghiệp nội địa

Dựa vào kiểm định Hausman, sửa các khuyết tật mô hình (phương sai số thay đổi, tự tương quan) ta có kết quả từ mô hình tác động cố định FEM.

	Ln(Năng suất) TP. HCM	Ln(Năng suất) cả nước
LKNgược	0,125 (0,072)*	0,797 (0,030)***
LKNgang	-0,674 (0,124)***	-1,564 (0,062)***
LKXuôi	-0,080 (0,007)***	-0,044 (0,003)***
Ln(TSDS)	0,357 (0,006)***	0,371 (0,003)***
KCCN	-0,002 (0,001)**	-0,000 (0,000)***
Ln(Vốn_LĐ)	0,225 (0,006)***	0,286 (0,004)***
Ln(CLLĐ)	0,223 (0,011)***	0,146 (0,003)***
Ln(TT)	0,028 (0,009)***	0,071 (0,004)***
2013,nam	-0,463 (0,013)***	-0,321 (0,006)***
2014,nam	-0,251 (0,009)***	-0,181 (0,005)***
2015,nam	-5,605 (0,109)***	-5,231 (0,046)***
_cons	7,358 (0,117)***	6,499 (0,050)***
R ²	0,83	0,86
N	100,239	369,568

* $p < 0,1$; ** $p < 0,05$; *** $p < 0,01$

Nhìn tổng quan số doanh nghiệp nội địa TP. Hồ Chí Minh chiếm khoảng một phần ba số doanh nghiệp khảo sát trên cả nước. Tác động lan tỏa của FDI theo chiều ngang làm giảm năng suất cho doanh nghiệp nội địa. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Lê Quốc Hội (2008), Nguyễn Phi Lâm (2008). Một sự gia tăng 1% liên kết ngang sẽ làm giảm năng suất doanh nghiệp nội địa 1,5%, trong khi khu vực TP. Hồ Chí Minh chỉ là 0,67%. Tác động này thông qua tác động cạnh tranh. Khi các doanh

nh nghiệp FDI xâm nhập thị trường, những lợi thế về bí quyết và công nghệ, marketing, quản lý của họ có thể lấy mất thị trường của các doanh nghiệp trong nước.

Liên kết ngược tác động làm tăng năng suất doanh nghiệp trong nước, phù hợp các nghiên cứu Lê Quốc Hội (2008), Javorcik (2004). Khi các doanh nghiệp trong nước tăng liên kết ngược 1% thì năng suất tăng 0,79%, tuy nhiên tại TP. Hồ Chí Minh chỉ tăng 0,12%. Doanh nghiệp nước ngoài càng mua nguyên liệu từ doanh nghiệp trong nước do đó họ huấn luyện hay bắt buộc các doanh nghiệp nội địa đáp ứng tiêu chuẩn cao do đó càng làm tăng năng suất của họ.

Mối liên kết xuôi làm giảm năng suất doanh nghiệp nội địa. Khi các doanh nghiệp nội địa tăng mua 1% các nguyên liệu đầu vào từ doanh nghiệp FDI thì năng suất giảm 0,04% đối doanh nghiệp cả nước, còn đối với doanh nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh giảm 0,08%. Khi có sự hiện diện của các doanh nghiệp FDI dẫn đến việc mua công nghệ mới, máy móc trang thiết bị hiện đại làm tăng chi phí do đó dẫn đến việc cạnh tranh về giá kém so doanh nghiệp khu vực.

Yếu tố tập trung vốn trên lao động góp phần tăng năng suất doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp tăng 1% vốn trên lao động, thì năng suất doanh nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh tăng 0,22%, trong khi doanh nghiệp cả nước tăng 0,28%.

Chất lượng lao động làm tăng năng suất. Các doanh nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh sẽ tăng năng suất 0,22% nếu chất lượng lao động tăng 1%, trong khi cả nước chỉ tăng 0,14%.

Có tác động đồng biến của cạnh tranh lên năng suất lao động của doanh nghiệp trong nước, điều này có nghĩa là tăng mức độ tập trung sẽ làm tăng năng suất lao động của doanh nghiệp.

Hệ số của biến khoảng cách công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài mang dấu âm và có ý nghĩa thống kê cho thấy, doanh nghiệp trong nước có năng

suất thấp hơn và có công nghệ lạc hậu hơn so doanh nghiệp nước ngoài cùng ngành.

Phân biệt năng suất giữa doanh nghiệp nhà nước và tư nhân

Doanh nghiệp ở TP. HCM	Ln(Năng suất) Nhà nước	Ln(Năng suất) tư nhân
LKNgược	0,151 (0,226)	0,413 (0,103)***
LKNgang	0,776 (0,446)*	-1,521 (0,194)***
LKXuôi	-0,023 (0,039)	-0,111 (0,008)***
Ln(TSDS)	0,058 (0,022)***	0,390 (0,009)***
KCCN	-0,042 (0,011)***	-0,006 (0,002)***
Ln(Vốn_LĐ)	0,480 (0,088)***	0,202 (0,010)***
Ln(CLLĐ)	0,157 (0,069)**	0,155 (0,016)***
Ln(TT)	-0,044 (0,024)*	0,042 (0,013)***
2013.nam	-0,219 (0,097)**	-0,546 (0,025)***
2014.nam	-0,251 (0,097)**	-0,300 (0,023)***
2015.nam	-1,875 (0,480)***	-6,101 (0,154)***
_cons	3,190 (0,632)***	7,915 (0,164)***
R ²	0,98	0,86
N	664	62,260

* $p < 0,1$; ** $p < 0,05$; *** $p < 0,01$

Các hệ số lan tỏa xuôi và ngược cùng dấu và có giá trị cũng không khác biệt nhiều giữa doanh nghiệp nhà nước và tư nhân. Tuy nhiên hệ số lan tỏa theo chiều ngang doanh nghiệp nhà nước lại mang dấu tích cực, điều này có thể lý giải do di chuyển lao động từ khu vực nước ngoài sang khu vực trong nước. Trong khi ở khu vực doanh nghiệp tư nhân, sự xuất hiện doanh nghiệp FDI làm tăng sự cạnh tranh mất thị phần, vì vậy làm giảm năng suất của họ. Ngoài ra, mức độ vốn trên lao động hiện nay cho thấy doanh nghiệp nhà nước đang được khá ưu ái. Tuy nhiên, khoảng cách công nghệ giữa doanh nghiệp nhà nước và tư nhân so với doanh nghiệp FDI có sự khác biệt. Qua bảng so sánh với dữ liệu

ngiên cứu, cho thấy các doanh nghiệp nhà nước ngành sản xuất có khoảng cách công nghệ khá xa hơn so doanh nghiệp tư nhân. Điều này cũng một phần do doanh nghiệp tư nhân sẽ nhanh nhạy hơn về thị trường, quyết định thay đổi công nghệ nhanh hơn doanh nghiệp nhà nước.

Dựa vào phân ngành OECD (1993) các ngành công nghệ cao, công nghệ thấp, kết quả chạy hồi quy các doanh nghiệp công nghệ cao khi có doanh nghiệp FDI trong cùng ngành lại tăng năng suất lên 1,8%. Nguyên nhân do những ngành công nghệ cao yếu tố con người là rất quan trọng. Sự chuyển việc người lao động cùng với quy trình quản lý, sản xuất chuẩn, nền tảng kiến thức tốt sẽ mang lại sự thay đổi cho doanh nghiệp cùng ngành cùng công nghệ sự thay đổi năng suất. Đối với các doanh nghiệp công nghệ cao thì biến liên kết xuôi có tác động tăng năng suất. Do các doanh nghiệp FDI cung cấp các sản phẩm hoặc bán thiết bị máy móc, quy trình quản lý vận hành tối ưu.

Doanh nghiệp công nghệ cao	Ln(Năng suất)
LKNgược	-0,778 (0,444)*
LKNgang	1,883 (0,451)***
LKXuôi	1,342 (0,646)**
Ln (TSDS)	0,431 (0,046)***
KCCN	-0,023 (0,009)**
Ln VốnLĐ	0,172 (0,036)***
Ln(CLLĐ)	0,300 (0,065)***
Ln TT	0,116 (0,052)**
2013.nam	0,137 (0,082)*
2014.nam	0,141 (0,087)
2015.nam	-5,263 (0,672)***
_cons	6,744 (0,667)***

* $p < 0,1$; ** $p < 0,05$; *** $p < 0,01$

5. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Kênh liên kết ngược là cơ chế quan trọng trong chuyển giao công nghệ từ doanh nghiệp nước ngoài đến các doanh nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh. Lan tỏa ngược bị ảnh hưởng bởi kích thước của các doanh nghiệp trong nước, chất lượng của lực lượng lao động và khoảng cách công nghệ. Tuy nhiên đối với doanh nghiệp sản xuất công nghệ cao thì sự tác động ngược từ người mua là doanh nghiệp FDI đến người bán là doanh nghiệp trong nước mang ý nghĩa tiêu cực. Biến tác động qua kênh liên kết xuôi làm giảm năng suất lao động của các doanh nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh, tuy nhiên ngành công nghệ cao thì góp phần ngược lại. Thêm vào đó, tác động của doanh nghiệp FDI đến năng suất của doanh nghiệp tư nhân thì mang ý nghĩa tích cực hơn sự tác động vào năng suất của doanh nghiệp nhà nước.

5.2. Kiến nghị

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào TP. Hồ Chí Minh, ưu tiên ngành công nghệ cao ít ô nhiễm môi trường; ưu tiên những ngành đang là xu hướng thế giới như: công nghệ sinh học, máy tính..., mục đích tạo những ngành có giá trị và mang ý nghĩa lan tỏa trong khu công nghệ cao. Thành phố cần tăng cường cho giáo dục, đào tạo và nâng cao hợp tác giữa các viện nghiên cứu, các trung tâm đào tạo địa phương và các doanh nghiệp nước ngoài, hỗ trợ cho việc nghiên cứu và phát triển được tiến hành một cách dễ dàng; bên cạnh hoạt động tăng hỗ trợ tín dụng, nâng cao năng lực tổ chức, quản lý và chất lượng nguồn nhân lực của các doanh nghiệp trong nước./

2. Blalock G. and J. Gertler (2004), *Welfare Gains from FDI through Technology Transfer to Local Suppliers*, University of California, Berkeley, mimeo.

3. Blomstrom, M. and Kokko, A. (1998), *Multinational Corporations and Spillovers*, *Journal of Economic Surveys*, 12, pp. 247-77.

4. Javorcik B. S. (2004), Does Foreign Direct Investment Increase the Productivity of Domestic Firms? In Search of Spillovers through Backward Linkages, *American Economic Review*, 94(3), 605-27.

5. Kokko A., Tasini R. and Zejan M. (1996), Local Technological Capability and Productivity Spillovers from FDI in the Uruguayan Manufacturing Sector, *Journal of Development Studies*, 32 (4), 602-611.

6. Kugler M. (2001), The Diffusion of Externalities from Foreign Direct Investment: Theory Ahead of Measurement, *Discussion Papers in Economics and Econometrics*, 23, Southampton: University of Southampton.

7. Le Quoc Hoi (2008), Technology Spillovers from Foreign Direct Investment in Vietnam: Horizontal or Vertical Spillovers, *Vietnam Development Forum*, Hanoi, Vietnam. <http://www.vdf.org.vn/workingpapers/vdfwp085.pdf>

8. Meyer K. (2003), FDI Spillovers in Emerging markets: A Literature Review and New Perspectives, *DRC Working Paper No. 15*, University of Sussex, Brighton, UK.

9. Nguyen Phi Lan (2008), Productivity Spillovers from Foreign Direct Investment: Evidence from Vietnamese Firm Data, *School of Commerce*, University of South Australia. http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=1101203

10. Pham Thi Bích Ngọc (2013), Foreign direct investment, trade liberalization, and labor market evidence from Vietnamese manufacturing, *PhD thesis*, Kiel University.

11. Schoors K. and B. van der Tool (2002), Foreign Direct Investment Spillovers within and between Sectors: Evidence from Hungarian Data, *Working Paper, 157*, Ghent: University of Ghent.

12. Wang, J and Blomstrom, M. (1992). Foreign Investment and Technology Transfer: A Simple Model, *European Economic Review*, 36(1), 137-155.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bessonova E., Kozlov K. and Yudaeva K. (2003), Trade Liberalization, Foreign Direct Investment, and Productivity of Russian Firms, *CEFIR Working paper No. 39*, New Economic School, Moscow.

Ngày nhận bài: 7-12-2017

Ngày nhận bản sửa: 31-1-2018

Ngày duyệt đăng: 9-2-2018